

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.202**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 16/12/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0117	Hà Nam Hải	15/12/2021				
2	TA0118	Phạm Khắc Kiên	13/06/1999				
3	TA0119	Dương Thu Trang	16/11/2003				
4	TA0120	Đỗ Văn Thắng	14/08/1999				
5	TA0121	Phạm Thị Thu Hương	24/07/1999				
6	TA0122	Hoàng Thị Thúy	16/01/1999				
7	TA0123	Nguyễn Thị Thảo	07/11/1999				
8	TA0124	Nguyễn Thanh Hà Hà	30/12/1999				
9	TA0125	Nguyễn Khánh Duy	23/10/1999				
10	TA0126	Lý Thị Thu Thảo	10/10/1999				
11	TA0127	Nguyễn Thị Hằng	17/10/1999				
12	TA0128	Nguyễn Tùng Anh	18/02/1999				
13	TA0129	Phạm Tiến Đạt	03/10/1999				
14	TA0130	Nguyễn Thuỳ Trang	20/03/1999				
15	TA0131	Trần Hữu Trình	10/01/1999				
16	TA0132	Ngô Thị Ngọc	28/11/1999				
17	TA0133	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	04/07/1999				
18	TA0134	Hoàng Minh Quân	26/11/1999				
19	TA0135	Nguyễn Thị Sinh	14/07/2000				
20	TA0136	Lê Hạnh Chi	22/06/1999				
21	TA0137	Dương Thị Hoa Mai	03/11/1994				
22	TA0138	Ngô Kim Chi	06/02/1999				
23	TA0139	Nguyễn Hoàng Long	30/09/1999				
24	TA0140	Phan Anh	25/10/1999				
25	TA0141	Nguyễn Xuân Nguyên	09/10/1999				
26	TA0142	Trịnh Khánh Chi	13/10/2000				
27	TA0143	Đỗ Văn Chương	25/07/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)